

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1111/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2022

V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hòa

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Huỳnh Tiên Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố T.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án của Toà án nhân dân thành phố T đã xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1679/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Số 31/14, Đường số 48, Tổ 40, Khu phố 6, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

**Bị đơn:** Bà Trần Thị P, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 31/14, Đường số 48, Tổ 40, Khu phố 6, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng có đơn đề ngày 24/3/2022 xin Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trần Thị P vắng mặt nhưng có đơn đề ngày 21/3/2022 xin tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 12 năm 2021, bản tự khai và các biên bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông và bà Trần Thị P chung sống với nhau từ năm 1989, do tự nguyện,

có đăng ký kết hôn số 52 ngày 14/10/2006 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình cấp. Quá trình chung sống thời gian đầu khá hạnh phúc. Từ năm 2017 đến nay ông và bà Trần Thị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do thiếu tôn trọng nhau, bà Trần Thị P tự bỏ nhà đi nhiều lần không rõ lý do. Tính tới nay hai người đã sống ly thân được khoảng 2 năm. Ông tự nhận thấy bà Trần Thị P không còn tôn trọng ông, không mang lại hạnh phúc gì cho ông nữa nên ông xin ly hôn để tự ổn định cuộc sống của mình.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn K xác nhận ông và bà Trần Thị P có hai con chung tên Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 29/12/1990 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/02/1993. Cả hai con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn K xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Ông Nguyễn Văn K xác nhận ông và bà Trần Thị P không có nợ chung.

\* Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị P vắng mặt nhưng trong bản tự khai đề ngày 18/3/2022 có trong hồ sơ bà Trần Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn K chung sống với nhau từ năm 1989, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 52 ngày 14/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung thời gian đầu khá hạnh phúc. Từ năm 2017 đến nay giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Tính tới nay bà và ông Nguyễn Văn K đã sống ly thân khoảng 2 năm. Nay ông Nguyễn Văn K nộp đơn xin ly hôn tại tòa bà đồng ý. Đề nghị tòa án giải quyết cho bà và ông Nguyễn Văn K được ly hôn.

Về con chung: Bà Trần Thị P xác nhận, bà và ông Nguyễn Văn K có hai con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 29/12/1990 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/02/1993. Cả hai con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), đã có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị P xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Bà Trần Thị P xác nhận bà và ông Nguyễn Văn K không có nợ chung

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn K xin ly hôn với bà Trần Thị P, căn

cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn - bà Trần Thị P có địa chỉ cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bị đơn bà Trần Thị P vắng mặt nhưng cùng có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị P theo thủ tục chung.

- Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 52 ngày 14/10/2006 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình cấp cho ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị P thì hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị P được pháp luật công nhận là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Ông Nguyễn Văn K yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị P do Quá trình chung sống vợ chồng không còn hạnh phúc; thiếu sự tôn trọng nhau; cả hai đã tự sống ly thân khoảng hai năm.

Xét thấy: Trong bản tự khai ngày 18/3/2022 bà Trần Thị P cũng thừa nhận: Quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Văn K phát sinh nhiều mâu thuẫn, không khắc phục được dẫn đến việc hai bên tự sống ly thân khoảng hai năm nay. Bà cũng đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Nguyễn Văn K được ly hôn.

Qua đó, cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị P là có thật, cuộc sống vợ chồng của hai người đã không còn hạnh phúc. Trong thời gian sống ly thân hai bên không tìm được biện pháp nào để cải thiện, hàn gắn. Ông Nguyễn Văn K xin ly hôn, bà Trần Thị P cũng đồng ý.

Xét mâu thuẫn gia đình giữa ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị P đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn K có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn K xác nhận ông và bà Trần Thị P có hai con chung tên Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 29/12/1990 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/02/1993. Cả hai con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị P cùng khai xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Ông Nguyễn Văn K và Bà Trần Thị P cùng khai nhận ông, bà không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn K có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Văn K được ly hôn với bà Trần Thị P.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị P cùng xác nhận ông, bà có hai con chung tên Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 29/12/1990 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/02/1993. Cả hai con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị P cùng xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Ông Nguyễn Văn K và Bà Trần Thị P cùng khai nhận ông, bà không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**2. Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn K phải chịu nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn K đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0025540, ngày 07/01/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh lập .

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**3. Quyền kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hòa**

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân TP. T;
- Thi hành án dân sự TP. T;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hòa**

